CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP May Hữu Nghị

Ngày 31/12/2024	24,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	4.3%	**-4.8%**	**-**

DT thuần
Q4/24
242
tỷ VNĐ
QoQ: ▼125| -33.9%
YoY: ▲ 47.0| 24.3%

LN thuần
Q4/24
47.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 28.6| 154%
YoY: ▲ 11.6| 32.6%

LN sau thuế
Q4/24
37.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 21.5| 133%
YoY: ▲ 8.60| 29.7%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
8.6%
YoY: +/-▼ 2.0%

ROE
2024
18.2%
YoY: +/-▲ 0.2%

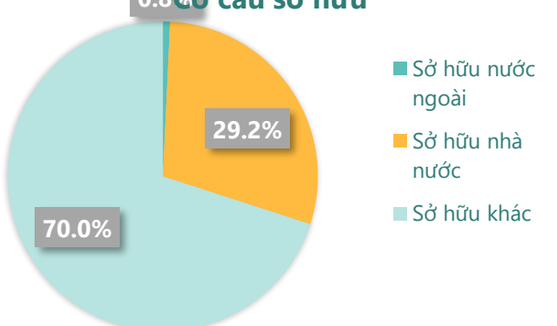
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	18,785 - 27,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	571
Số lượng CPLH (CP)	23,777,800
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,985
Sở hữu nước ngoài	0.8%
Beta	0.53
EPS	3,355
P/E	7.2

DT thuần
2024
1,182
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 312| 35.9%

LN thuần
2024
98.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 8.20| 9.1%

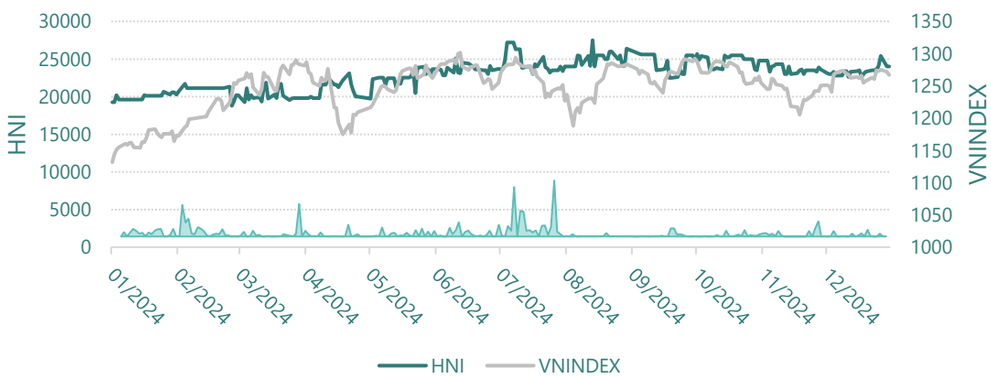
LN sau thuế
2024
79.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.30| 8.6%

Cơ cấu sở hữu

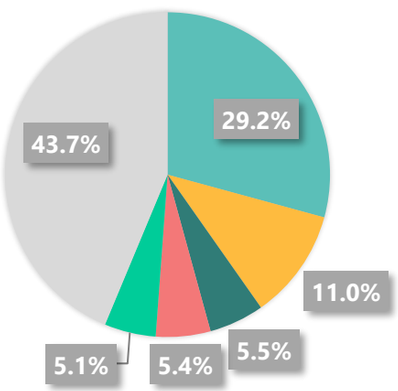


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



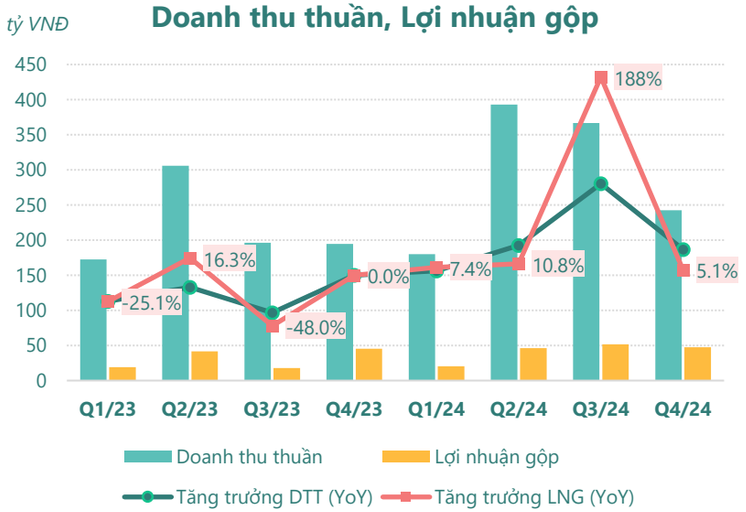
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

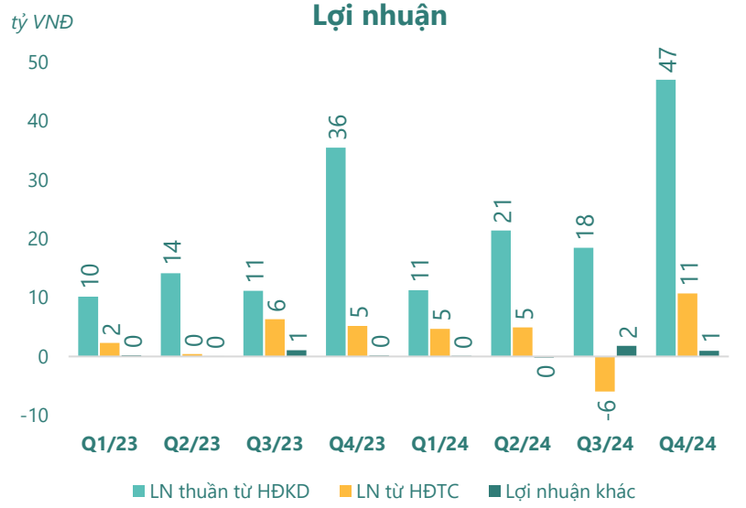
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



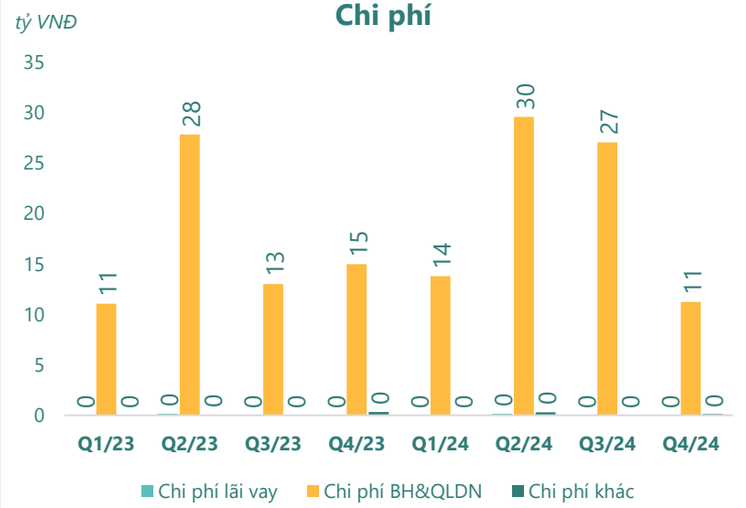
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



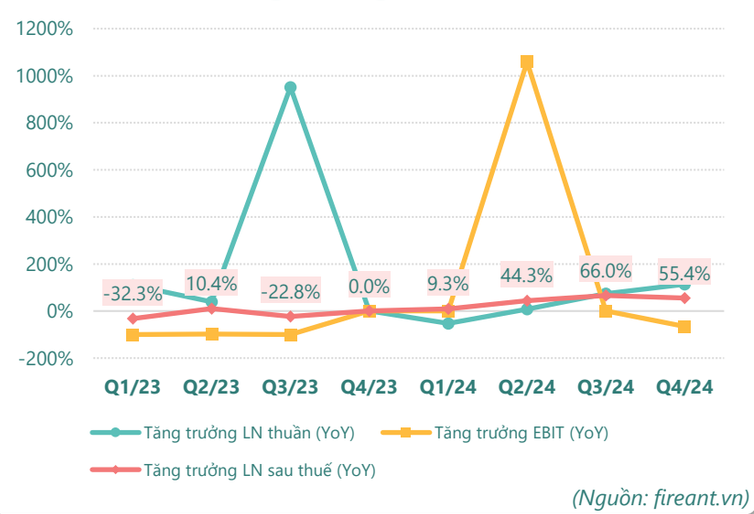
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



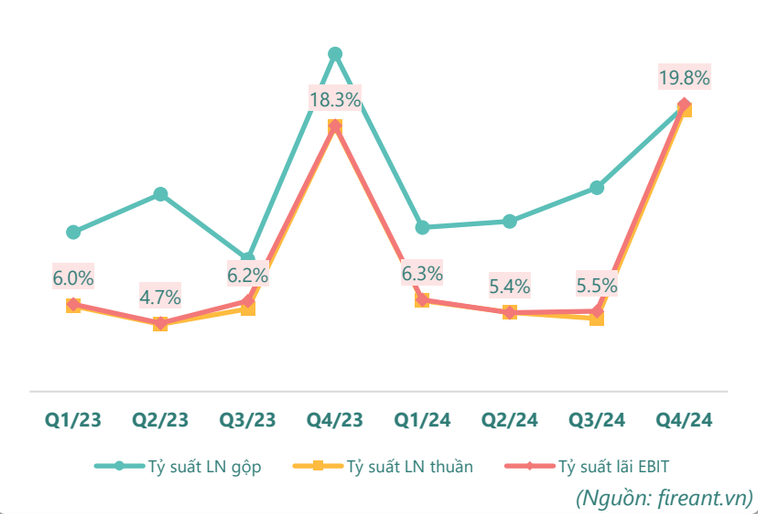
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



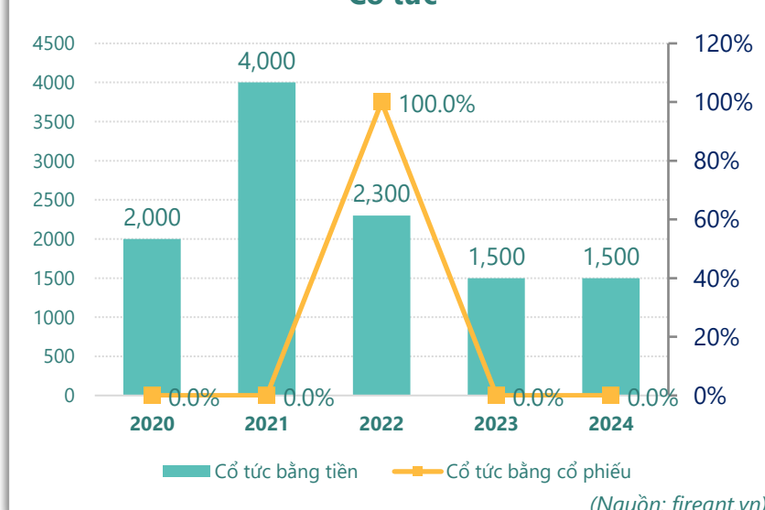
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

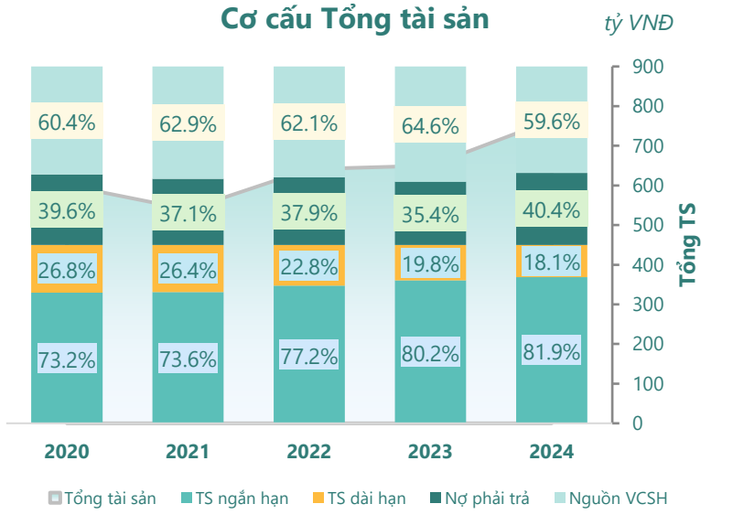
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

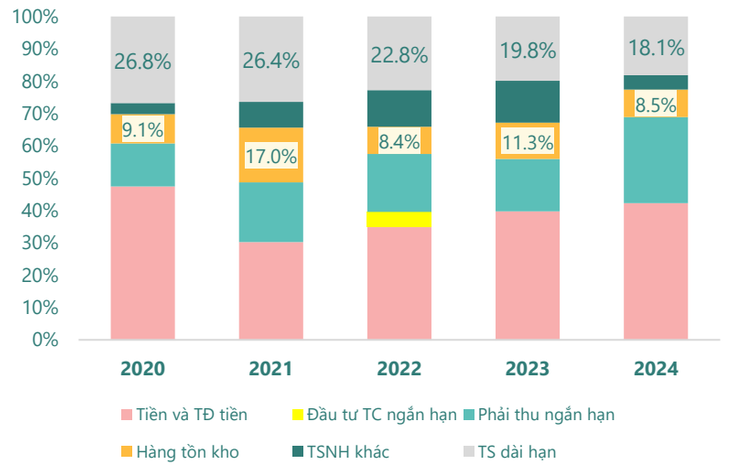
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



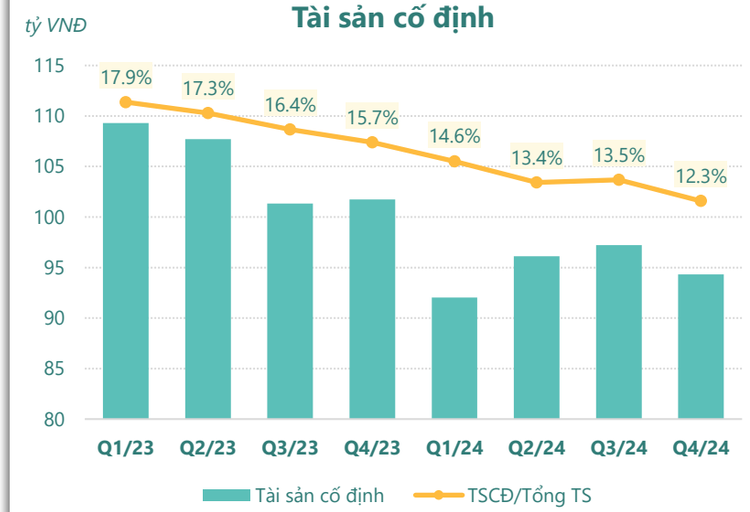
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



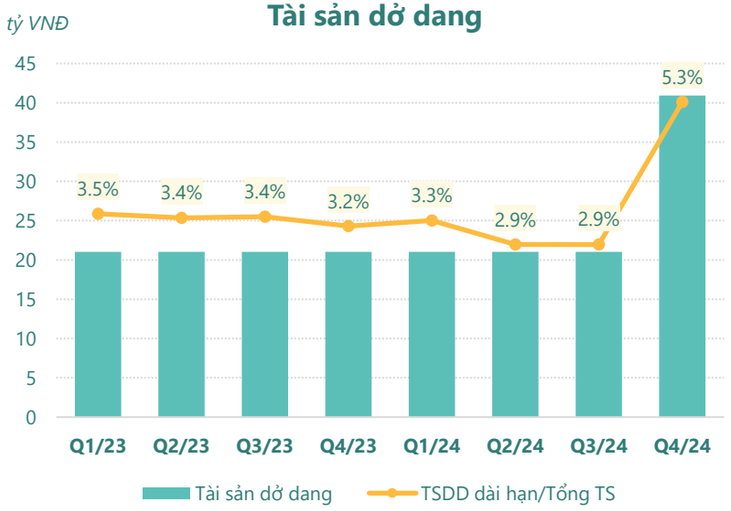
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



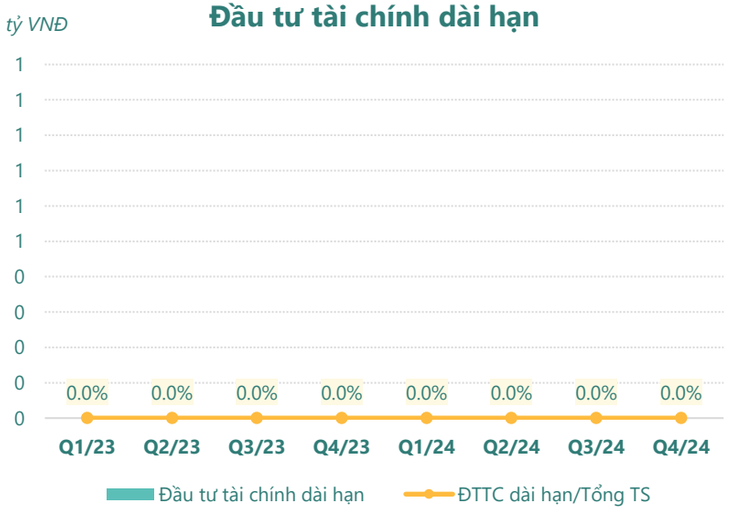
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



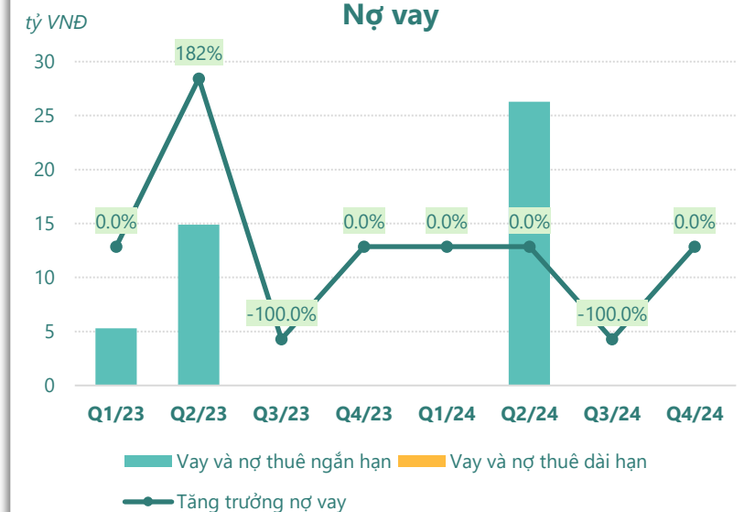
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

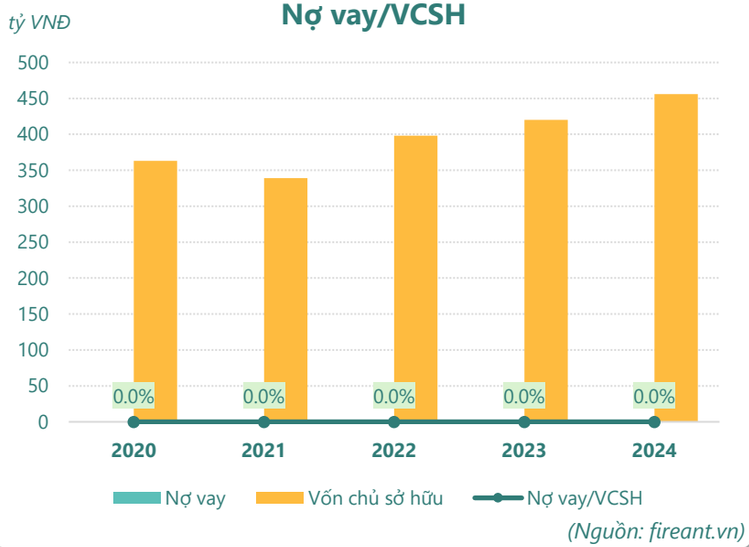
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

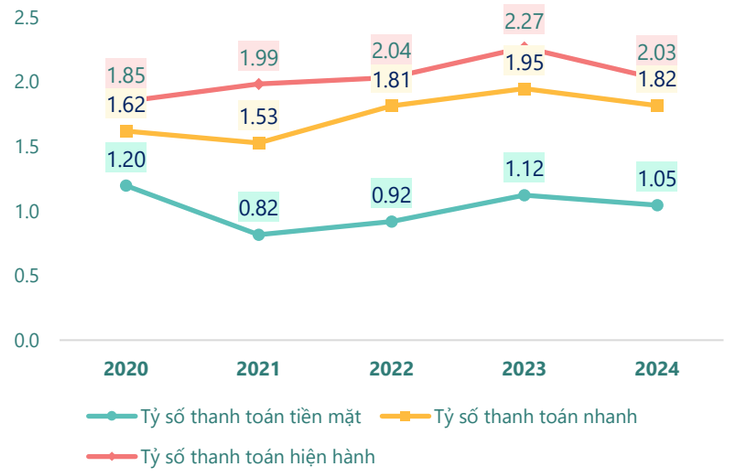
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



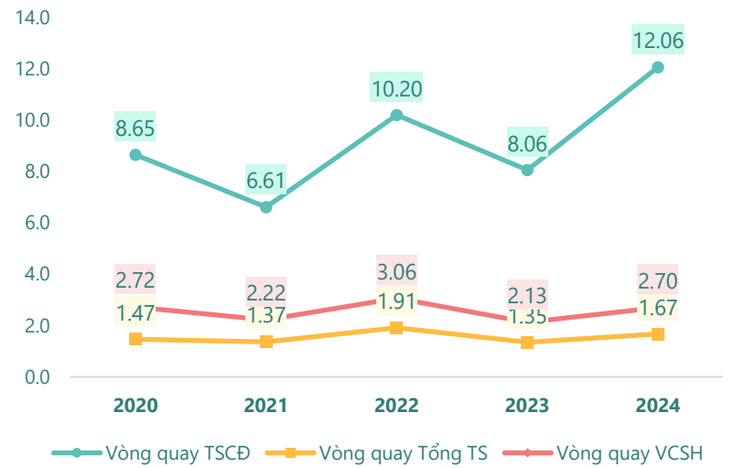
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



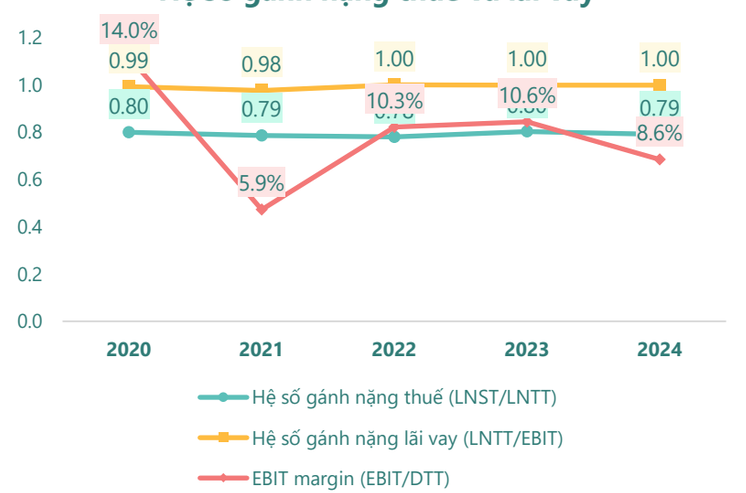
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



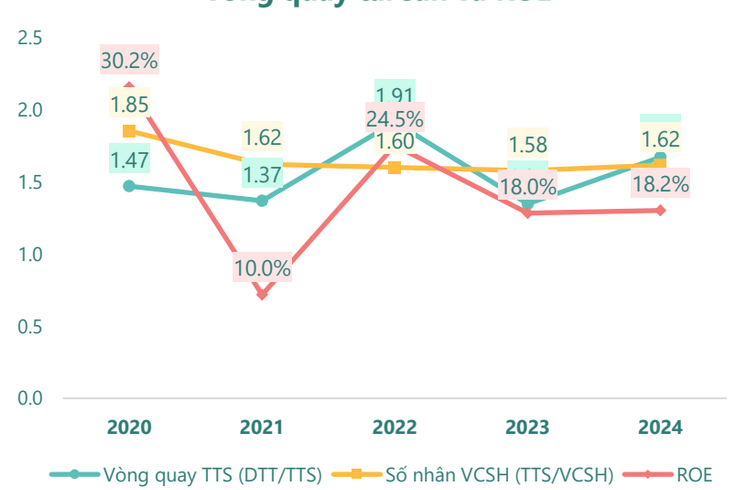
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



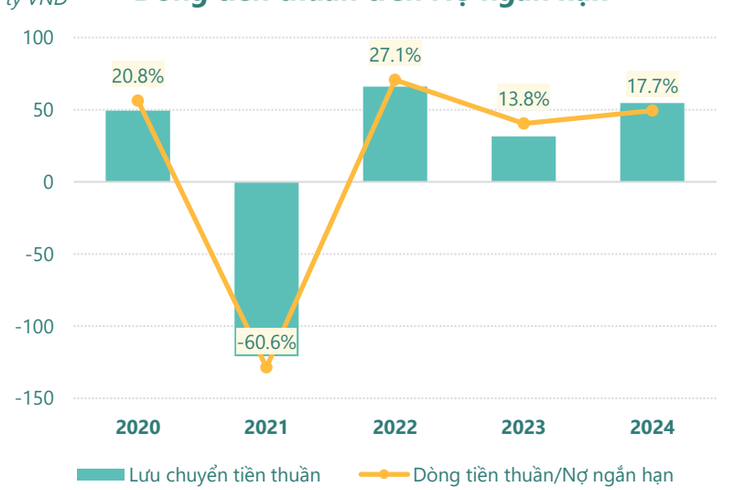
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**242**	**195**	**24.3%**	**1,182**	**870**	**35.9%**
Giá vốn hàng bán	195	149	30.8%	1,017	727	39.9%
Lợi nhuận gộp	47.6	45.3	5.1%	166	143	16.0%
Doanh thu HĐTC	11.5	6.65	72.5%	26.2	21.7	20.4%
Chi phí TC	0.74	1.45	-48.8%	11.8	7.47	57.5%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0.16	0.18	-10.2%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	3.30	2.43	35.8%	22.8	14.4	57.9%
Chi phí QLDN	**7.95**	**12.6**	**-36.9%**	**59.0**	**52.5**	**12.2%**
LN thuần từ HĐKD	47.1	35.5	32.6%	98.2	90.0	9.1%
Lợi nhuận khác	**0.97**	**0.18**	**439%**	**2.71**	**1.54**	**76.3%**
LN trước thuế	48.0	35.7	34.6%	101	91.6	10.2%
Lợi nhuận sau thuế	**37.7**	**29.1**	**29.7%**	**79.8**	**73.5**	**8.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**37.7**	**29.1**	**29.7%**	**79.8**	**73.5**	**8.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	13.1	14.5	-51.5	118	121	-84.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	28.6	29.2	0.45	-5.11	-60.7	52.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-14.9	0	0	-9.38	-26.3	0
Tiền đầu kỳ	188	213	258	210	311	349
Lưu chuyển tiền thuần	**26.8**	**43.7**	**-51.1**	**104**	**33.6**	**-31.4**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.93	0.83	2.98	-2.80	5.01	5.55
Tiền cuối kỳ	213	258	210	311	349	323

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**765**	**650**	**17.7%**
Tài sản ngắn hạn	626	521	20.3%
Tiền và tương đương tiền	323	258	25.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	204	105	93.7%
Hàng tồn kho	64.7	73.2	-11.6%
Tài sản ngắn hạn khác	34.3	84.3	-59.4%
Tài sản dài hạn	**139**	**129**	**7.6%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	94.3	102	-7.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	40.9	21.0	94.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**3.44**	**6.15**	**-44.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	309	230	34.6%
Nợ ngắn hạn	**309**	**230**	**34.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	38.8	26.2	47.8%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**456**	**420**	**8.6%**
Vốn chủ sở hữu	**456**	**420**	**8.6%**
Vốn điều lệ	238	238	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)